

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên Công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk
Năm báo cáo: 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk (Daklaktourist).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6000177738
- Vốn điều lệ: 93.074.150.000VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 93.074.150.000VND
- Địa chỉ: 03 Phan Chu Trinh, phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Số điện thoại: (084) 0500 3852 322
- Số fax: (084) 0500 3842 115
- Website: daklaktourist.com.vn
- Mã cổ phiếu: DLD

2. Quá trình hình thành và phát triển

➤ Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk được thành lập theo Quyết định số 302/QĐ-UB ngày 21/02/2005 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp. Giấy phép đăng ký kinh doanh số 40.03.000058 do Sở Kế hoạch đầu tư cấp ngày 31/03/2005. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: thay đổi lần I vào ngày 21 tháng 04 năm 2006; lần II vào ngày 21 tháng 12 năm 2009; lần thứ III vào ngày 22/04/2010 số 6000177738; lần IV vào ngày 05 tháng 6 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 03 Phan Chu Trinh, phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- | | |
|------------------------------|---------------------------------------|
| - Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê | : 03 Phan Chu Trinh, TP Buôn Ma Thuột |
| - Khách sạn Cao Nguyên | : 65 Phan Chu Trinh, TP Buôn Ma Thuột |

- Khách sạn Thành Công : 51 Lý Thường Kiệt, TP Buôn Ma Thuột
- Khu Du lịch Hồ Lắk : Buôn Jun, thị trấn Liên Sơn, Huyện Lắk
- Nhà hàng Thắng Lợi - Công viên nước : Km 4, Quốc lộ 14, TP Buôn Ma Thuột

➤ **Các sự kiện khác:**

- Công ty đã duy trì tốt việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng quốc tế theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 với mục tiêu “Uy tín - chất lượng - hiệu quả”;
- Hệ thống nhận diện thương hiệu riêng của Công ty đã được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam đăng ký bảo hộ theo quy định;
- Bổ nhiệm mới một số chức danh quản lý trong Công ty và thực hiện luân chuyển cán bộ theo nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Phối hợp với bên Công ty tư vấn đã hoàn thành việc đăng ký lưu ký cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UpCoM) theo Giấy chứng nhận số 12/GCN-SGDHN ngày 19/01/2011 với mã chứng khoán là DLD và thứ 6, ngày 08 tháng 04 năm 2011 cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường.
- Ngày 16 tháng 05 năm 2012, Công ty chính thức mở cửa đưa vào khai thác kinh doanh khách sạn 4 sao Sài Gòn - Ban Mê tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

➤ **Ngành nghề kinh doanh:**

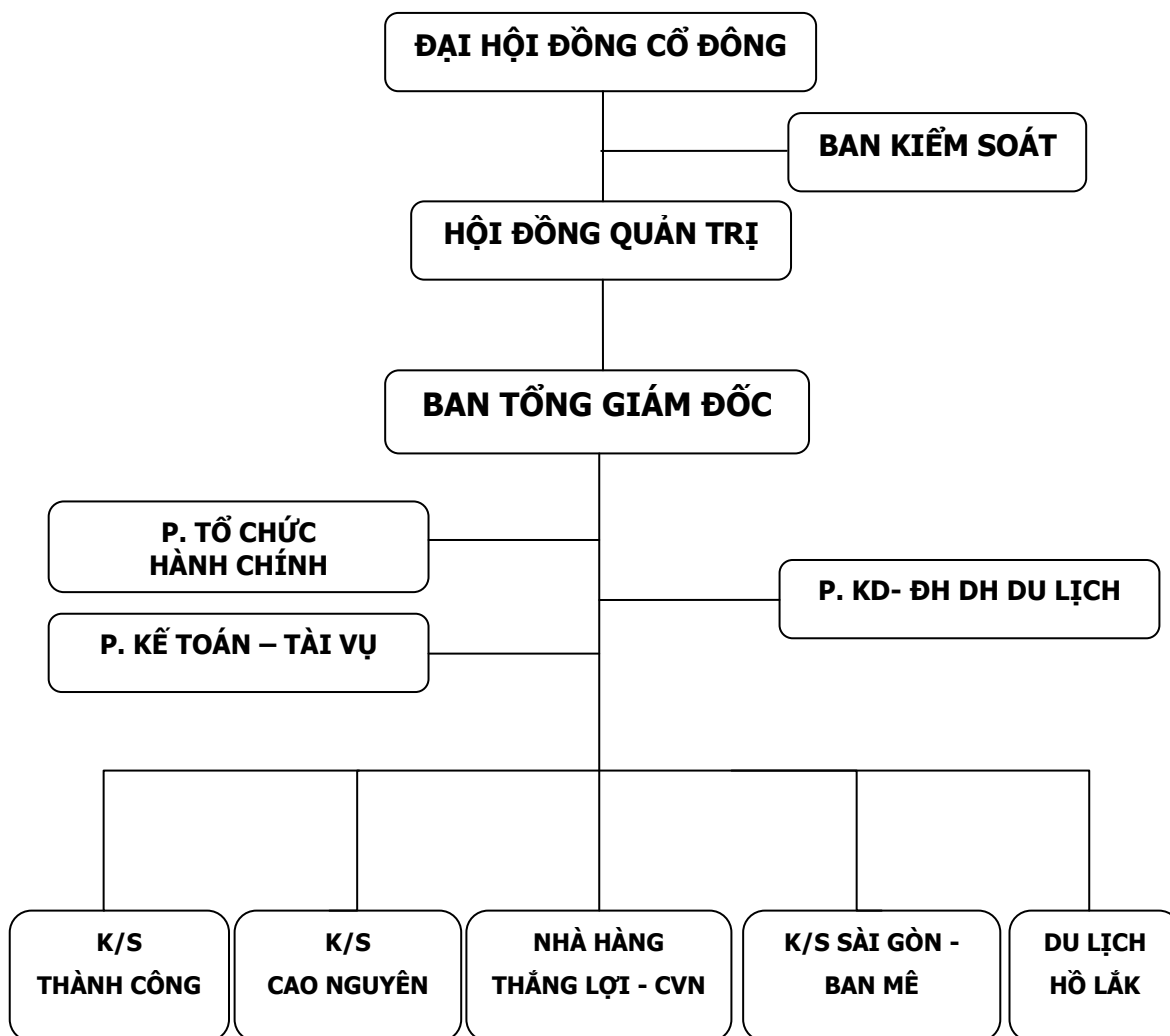
- Đại lý bán vé máy bay;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống;
- Dịch vụ tắm quất, xông hơi, xoa bóp;
- Kinh doanh vũ trường (dancing), phòng hát karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí, công viên nước;
- Hướng dẫn, kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa;
- Mua bán phân bón;
- Mua bán hàng hóa công nghệ thực phẩm (rượu, bia, nước giải khát, bánh kẹo, hàng hóa mỹ nghệ), cà phê, nông sản, hàng hải sản đông lạnh;
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Mua bán nông sản.

➤ **Địa bàn kinh doanh:** Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

➤ **Mô hình quản trị:** Mô hình quản trị của Công ty tuân theo mô hình quản trị của công ty đại chúng niêm yết trên thị trường chứng khoán.

➤ **Cơ cấu bộ máy quản lý:**



+ **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty. Có quyền quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở Đại hội cổ đông thông qua. Đề xuất mức chi trả cổ tức hàng năm. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành; các phó tổng giám đốc; kế toán trưởng. Quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phân vốn góp ở công ty khác.

+ **Ban Kiểm soát:** Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý và điều hành Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán thống kê và lập báo tài chính, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng.

+ **Ban tổng giám đốc:** Gồm 01 Tổng giám đốc và 03 phó tổng giám đốc.

+ **Phòng kế toán tài vụ:** Là phòng chức năng tham mưu tổng hợp về công tác kế toán Doanh nghiệp, phân tích tài chính, phân tích các nguyên nhân và nhân tố ảnh hưởng tích cực, tiêu cực ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, tổ chức quản lý vốn mang lại hiệu quả, xác định nhu cầu vốn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh trong từng thời điểm, thực hiện đúng đắn chế độ tài chính hiện hành. Cơ cấu gồm 7 nhân sự: 01 kế toán trưởng kiêm trưởng phòng, 01 phó phòng và 5 kế toán viên.

+ **Phòng tổ chức hành chính:** Là phòng chức năng tham mưu về công tác tổ chức cán bộ và quản lý hành chính, quản trị mạng thông tin nội bộ trong toàn công ty, theo dõi việc duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Cơ cấu gồm 06 nhân sự: 01 trưởng phòng, 01 phó phòng và 04 nhân viên.

+ **Phòng kinh doanh và điều hành hướng dẫn du lịch:** Là phòng có chức năng lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong toàn Công ty, xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật trong các dịch vụ, thu thập thông tin phản hồi từ khách hàng để tham mưu cho Ban tổng giám đốc về các chính sách thu hút khách hàng. Tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực lữ hành và vận chuyển du lịch, xây dựng tour du lịch để phục vụ các đối tượng khách nội địa và nước ngoài, cung cấp các thông tin, hình ảnh tư liệu về lịch sử của địa phương cho bộ phận quản trị mạng để giới thiệu trên website của Công ty. Cơ cấu gồm 15 nhân sự: 01 trưởng phòng, 01 phó phòng, 13 nhân viên và hướng dẫn viên.

+ **Tổ bán buôn:** Là phòng có chức năng kinh doanh, mua và bán các sản phẩm bia, rượu và nước giải khát.... Cơ cấu gồm 4 nhân sự gồm 1 quản lý và 3 nhân viên.

+ **Các đơn vị kinh doanh trực thuộc:**

- **Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê:** Tọa lạc tại số 01-03 Phan Chu Trinh, Phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột. Khách sạn cao 17 tầng, với 131 phòng ngủ đạt tiêu chuẩn quốc tế 4 sao: 01 phòng hội nghị lớn sức chứa 300 khách, 01 phòng họp VIP sức chứa 100 khách. Nhà hàng tiệc cưới bao gồm 2 sảnh; Sảnh lớn có sức chứa từ 450 đến 750 khách, sảnh nhỏ có sức chứa từ 300 - 450 khách và một số dịch vụ giải trí gồm massage & sauna với 27 phòng massage VIP, phòng Gym, hồ bơi...v.v. Tổng số lao động có mặt đến 31/12/2012 : 106 người (106 dài hạn) có 01 giám đốc và 02 phó giám đốc

- **Khách sạn Cao Nguyên:** Khách sạn 2 sao, có 33 phòng ngủ, nhà hàng 800 chỗ, dịch vụ Massage. Toạ lạc tại số 65 Phan Chu Trinh, Phường Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột. Tổng số lao động có mặt đến 31/12/2012: 40 người (45 dài hạn) có 1 giám đốc và 1 phó giám đốc.

- **Khách sạn Thành Công:** Khách sạn 2 sao, có 30 phòng ngủ, nhà hàng 100 chỗ. Toạ lạc tại số 51 Lý Thường Kiệt, Phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột. Hiện nay Công ty đã ký Hợp đồng cho thuê mặt bằng.

- **Nhà hàng Thắng Lợi - Công viên nước Daklak:** Tổ chức các loại hình trò chơi (đặc biệt là trò chơi dưới nước), nhà hàng ẩm thực, quầy bán hàng lưu niệm, nhà hàng 700 chỗ. Toạ lạc tại km 4 Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột. Tổng số lao động có mặt đến 31/12/2012: 74 người (74 dài hạn) có 1 giám đốc và 03 phó giám đốc.

- **Du lịch Hồ Lắk:** Nhà nghỉ Vua Bảo Đại 6 phòng ngủ, Khu resort 32 phòng ngủ, nhà dài dân tộc (02 nhà) khách ngủ 40 người, nhà hàng 300 chỗ ngồi, dịch vụ cưỡi voi, thuyền độc mộc, văn nghệ công chiêng rượu cần, lửa trại.... Toạ lạc tại Thị trấn Liên Sơn - Huyện Lắk. Tổng số lao động có mặt đến 31/12/2012: 44 người (44 dài hạn) có 01 giám đốc và 01 phó giám đốc.

➤ **Các công ty con, công ty liên kết:**

❖ **Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên**

Địa chỉ	Km7 Nguyễn Chí Thanh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Ngành nghề kinh doanh	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát
Số lượng cổ phần	18.351 cổ phần
Mệnh giá 1 cổ phần	10.000 đ/CP
Tỷ lệ vốn góp	0,46%
Giá trị cổ phần	183.510.000 đồng

❖ **Công ty Cổ phần Khách sạn Tây Nguyên**

Địa chỉ	110 Lý Thường Kiệt, P. Thắng Lợi, Tp Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
Ngành nghề kinh doanh	Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, bia rượu, nước giải khát....
Số lượng cổ phần	33.224 cổ phần
Mệnh giá 1 cổ phần	10.000 đ/CP
Tỷ lệ vốn góp	19,88%
Giá trị cổ phần	332.240.000 đồng

5. Định hướng phát triển

➤ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- ◆ Tiếp tục đơn độc các nhà thầu thực hiện công tác bảo hành cho khách sạn Sài Gòn - Ban Mê để đáp ứng nhu cầu phục vụ khách hàng.

- ◆ Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm đề ra như: Doanh thu - Lợi nhuận - Nộp ngân sách và thu nhập của người lao động.

➤ Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- ◆ 04 năm đầu: Xây dựng xong các hạng mục công trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- ◆ Quy hoạch thiết kế xây dựng: Khu Lắc Resort hoàn chỉnh đạt tiêu chuẩn du lịch cao cấp theo định hướng du lịch sinh thái - Nghỉ dưỡng - Văn hóa - Mạo hiểm thể thao.

- ◆ Cải tạo hoặc xây dựng lại quy mô Khách sạn Cao Nguyên đạt tiêu chuẩn 4 sao.

- ◆ Đẩy mạnh kinh doanh dịch vụ lữ hành - hoàn thiện và nâng cao chất lượng phục vụ các dịch vụ du lịch: Lưu trú- Ẩm thực - Dã ngoại - Cưỡi voi - Thuyền độc mộc - Văn nghệ công chiêng.

- ◆ Phối hợp với địa phương Huyện Lắc hình thành làng nghề giới thiệu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ - Khách du lịch tham quan mua sắm sản phẩm.

- ◆ Tổ chức thêm các dịch vụ đa dạng ở Du lịch Hồ Lắc: Homestay, đua voi hàng năm.v.v.

- ◆ Khai thác khách địa phương đi du lịch nước ngoài.

- ◆ Khi dự án khách sạn Sài Gòn - Ban Mê đi vào hoạt động kinh doanh ổn định sẽ thực hiện niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

➤ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- ◆ Đối với môi trường : Đảm bảo thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường theo pháp luật của Nhà nước Việt Nam và quy định quốc tế.

- ◆ Đối với xã hội và cộng đồng : Thực hiện tốt công tác an ninh xã hội đem lại lợi ích thiết thực không những cho công ty mà cả cộng đồng và xã hội.

6. Các rủi ro:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu và giá cổ phiếu.

Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức rất thấp.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu, hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Nhằm đảm bảo ổn định giá thành thành phẩm, bộ phận quản lý sản xuất của Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động của giá cả nguyên vật liệu, hàng hóa và đề xuất với Ban Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu cũng như phương án sản xuất kinh doanh phù hợp.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư vào cổ phiếu nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Do đó, Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh do một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm số dư tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Phải thu khách hàng

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng riêng biệt cho từng loại khách hàng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Số dư tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn (Ngân hàng Công Thương Chi nhánh Đắk Lắk và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh Đắk Lắk). Rủi ro tín dụng đối với các số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với số dư tiền gửi ngân hàng là giá trị ghi sổ như đã trình bày tại Thuyết minh số 5. Công ty nhận thấy mức độ rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đến hạn lệch nhau.

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

➤ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Lợi nhuận năm 2011 chuyển sang :	3.822.715.129đ
(UBND tỉnh đã điều chỉnh tỷ lệ thu tiền thuê đất từ 1,5% xuống 0,5%)	
- Tổng doanh thu thực hiện :	72.451.450.219đ
Trong đó: Phí phục vụ :	530.473.331đ
- Lợi nhuận chưa khấu hao và lãi vay :	8.216.265.324đ
- Khấu hao cơ bản năm 2012 :	3.205.610.066đ
- Tiền lãi vay ngân hàng năm 2012 :	4.945.017.875đ
- Lợi nhuận trước thuế năm 2012 :	51.437.378đ
- Lợi nhuận trước thuế lũy kế :	3.874.152.507đ
- Thuế TNDN phải nộp 2012 :	952.394.103đ

- Lợi nhuận sau thuế TNDN	:	2.921.758.404đ
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH	:	3,13%
- Tổng số phải nộp ngân sách	:	4.337.533.554đ
- Tổng quỹ lương thực hiện	:	13.619.224.000đ
- Số lao động bình quân trong kỳ	:	320 người
- Tiền lương b/quân (người/tháng)	:	3.546.600đ
- Phụ cấp HĐQT-BKS năm 2012	:	272.384.400đ

Tương ứng 2%/Tổng quỹ lương (bình quân 2.522.000 đ/người/tháng)

➤ **Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

+ Tổng doanh thu thực hiện năm 2012 là 76.130.335.216 đồng so với kế hoạch 90.429.485.000 đồng; đạt 84,1% kế hoạch, giảm 15,9% và so với thực hiện năm 2011 là 61.557.124.521 đồng; đạt 123,7%, tăng 23,7%.

+ Kết quả kinh doanh năm 2012 lãi trước thuế 51.437.378 đồng. Sở dĩ như vậy là do nhiều nguyên nhân:

- Khách sạn Sài Gòn – Ban Mê bước đầu đi vào hoạt động lượng khách đến ăn ngủ còn ít do ngưng hoạt động một thời gian dài để đầu tư xây dựng nên chưa lấy lại được các nguồn khách của lữ hành và khách truyền thống của Công ty trước đây. Mặt khác năng lực - tay nghề của bếp trưởng, đội ngũ nhân viên bếp còn quá kém so với yêu cầu đặt ra theo tiêu chuẩn của khách sạn 4 sao. Vì vậy doanh thu chỉ được 46% kế hoạch và đã bị lỗ (739.466.063 đồng).

- Tiền lương tối thiểu từ 830.000 đồng lên 1.050.000 đồng cho nên đã làm cho chi phí tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN tăng.

- Tiền thuê đất của khu Du lịch Hồ Lắc tăng 382.440.378 đồng của diện tích đất thuê thêm là 30.954 m² (Sở tài chính đã truy từ 01/10/2007 đến hết năm 2011).

- Tăng tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là 124.672.800 đồng (tính theo Thông tư số 153/ 2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 phải nộp 0,03% trên giá đất).

- Giá dịch vụ cưỡi voi, đi thuyền độc mộc và văn nghệ cồng chiêng trả cho dân tăng khoảng 38 % so với năm trước.

Từ những nguyên nhân nêu trên đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty năm 2012.

+ Lợi nhuận năm 2011 chuyển sang là 3.822.715.129 đồng.

+ Tổng lợi nhuận trước thuế lũy kế đến hết năm 2012 là 3.874.152.507 đồng.

+ Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng) 2012 là 3.546.600 đồng, so với kế hoạch là 3.100.000 đồng đạt 114%, tăng 14% và so với thực hiện cùng kỳ năm trước là 3.057.300 đồng, tăng 16%.

+ Công ty đã duy trì tốt việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001:2008 nên chất lượng phục vụ khách hàng được duy trì và ngày càng nâng cao và mang tính chuyên nghiệp.

+ củng cố và đổi mới các dịch vụ ở Du lịch Hồ Lắc như: Cưỡi voi, ẩm thực, văn nghệ công chiêng, thuyền độc mộc. Nhằm phục vụ tốt các đoàn khách đến tham quan du lịch tại Đắk Lắk.

+ Thực hiện tốt chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao trách nhiệm cá nhân trong việc quản lý tài sản, hàng hóa của Công ty đối với lãnh đạo cũng như cá nhân người lao động.

2. Tổ chức và nhân sự

➤ Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Quê quán Nơi ở hiện nay	Năm tham gia cách mạng	Trình độ Chuyên môn Trình độ chính trị	Chức vụ
1	Lê Trung Châu	1954	Nam	Thừa Thiên Huế 52 Đào Tấn, BMT	1977	Đại học kinh tế Cử nhân chính trị	PCT HĐQT TGD Cty
2	Nguyễn Danh Ngọc	1962	“	Thanh Hóa 9 Trần Cao Vân, BMT	1979	ĐH Thương Mại Trung cấp	TV HĐQT P. TGD Cty
3	Võ Ngọc Xuân	1959	“	Long An P. Đa Kao, Q1, HCM	1982	ĐH TC Kế toán Trung cấp	TV HĐQT GD tài chính TCT DL Sài Gòn
4	Đỗ Minh Tuấn	1961	“	Bình Định 100 Hai Bà Trưng, BMT	1983	ĐH Kinh tế Cử nhân chính trị	P. TGD Cty
5	Lê Ngọc Cơ	1959	“	Tiền Giang Q. Phú Nhuận, TP HCM	1985	KS Thương Nghiệp Trung cấp	CT HĐQT P.TGD TCTy Du Lịch Sài Gòn
6	Trần Hồng Tâm	1953	“	Thừa Thiên Huế Quận I, TP HCM	1975	Cử nhân chính trị Cử nhân chính trị	TV HĐQT CT HĐQT TCT Bến Thành
7	Lê Thị Hoàng Mai	1965	“	Sài Gòn P3, Q Phú Nhuận, HCM	1989	Đại học kinh tế Trung cấp	Trưởng BKS Phụ trách kiểm soát viên TCT DL Sài Gòn
8	Nguyễn Thị Sáu	1969	Nữ	Nghệ An 134 Lê Thánh Tôn, BMT	1990	Đại học kinh tế Trung cấp	TV HĐQT Kế toán trưởng
9	Nguyễn Thị Mười	1966	“	Bình Định 476 Phan Chu Trinh, BMT	1987	Đại học tài chính Trung cấp	TV Ban Ksoát PGD KSTC

10	Huỳnh Thị Ngọc	1968	“	Buôn Ma Thuột 139 Lê Quý Đôn, BMT	1991	Đại học kinh tế Trung cấp	TV Ban Ksoát NV kế toán
11	Trương Đức Hùng	1970	“	230/69 Lãng Bình Thăng, P.13, Q.11, TP.HCM	2003	Thạc sỹ QTKD, TC QLKS(TayLor College - Malaysia)	P. TGD Cty

➤ **Những thay đổi trong ban điều hành:**

Hội đồng quản trị

- Ông Lê Ngọc Cơ Chủ tịch Bổ nhiệm lại ngày 15/05/2012
- Ông Lê Trung Châu Phó Chủ tịch Bổ nhiệm lại ngày 15/05/2012
- Bà Nguyễn Thị Sáu Ủy viên Bổ nhiệm lại ngày 15/05/2012
- Bà Võ Ngọc Xuân Ủy viên Bổ nhiệm lại ngày 15/05/2012
- Ông Trần Hồng Tâm Ủy viên Bổ nhiệm lại ngày 15/05/2012

Ban Kiểm soát

- Bà Lê Thị Hoàng Mai Trưởng ban Bổ nhiệm lại ngày 15/05/2012
- Bà Huỳnh Thị Ngọc Thành viên Bổ nhiệm lại ngày 15/05/2012
- Bà Nguyễn Thị Mười Thành viên Bổ nhiệm lại ngày 15/05/2012

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Lê Trung Châu Tổng Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 16/05/2012
- Ông Đỗ Minh Tuấn Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 16/05/2012
- Ông Nguyễn Danh Ngọc Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 16/05/2012
- Ông Võ Nguyên Nguyên Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 16/05/2012
- Ông Trương Đức Hùng Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 12/11/2012
- Bà Nguyễn Thị Sáu Kế toán trưởng Bổ nhiệm lại ngày 16/05/2012

➤ **Số lượng cán bộ, nhân viên:** Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2012 là 320 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 21 người.

➤ **Chính sách đối với người lao động:**

*** Chế độ làm việc.**

Thời gian làm việc: Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 44 giờ/tuần, các nhân viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, tại các đơn vị của Công ty được tổ chức làm việc theo ca, nhưng vẫn đảm bảo tuần làm việc 44 giờ.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty, được

cộng thêm 01 ngày phép trong năm. Nhân viên được nghỉ lễ, tết 10 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Người lao động ốm đau, thai sản (có giấy xác nhận của cơ sở y tế) được nghỉ ngơi và được thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội theo Luật bảo hiểm hiện hành.

Các chế độ, phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật lao động.

Trang bị trang phục, đồng phục, phương tiện lao động cho CBCNV.

Chi tiền ăn tiền ăn ca hàng tháng cho cán bộ công nhân viên, với mức chi 250.000 đồng/người/tháng.

Ngoài ra, công tác an toàn - vệ sinh lao động được cấp lãnh đạo Công ty quan tâm hàng đầu, quán triệt cho CBCNV nắm vững tầm quan trọng của công tác an toàn - vệ sinh lao động.

Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên đều được tạo điều kiện thuận lợi.

**** Chính sách tuyển dụng, đào tạo.***

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có kinh nghiệm, năng lực chuyên môn đáp ứng được yêu cầu công việc. Công ty thường xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ kinh doanh.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ giữa vấn đề đào tạo và phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá huấn luyện, đào tạo nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty có tổ chức cho cán bộ quản lý theo học các lớp đào tạo ngắn hoặc dài hạn theo yêu cầu của công tác tổ chức quản lý, kinh doanh tại Công ty và đài thọ 100% chi phí học tập cũng như chế độ lương trong thời gian học tập.

**** Chính sách lương, thưởng, phúc lợi.***

Chính sách lương: Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty.

Tuỳ thuộc vào đặc điểm của từng đơn vị công ty giao đơn giá tiền lương và đưa ra các phương án trả lương khác nhau như: Lương cố định theo chức danh có trách nhiệm, lương kinh doanh với mục tiêu thu hút nhân tài, khuyến khích người tài, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động.

Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc của nhân viên, năng lực, chức vụ, thang bảng lương của nhà nước và điều kiện kinh doanh của Công ty. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho cán bộ công nhân viên hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống cán bộ công nhân viên.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng dựa trên nguyên tắc gắn với kết quả và hiệu quả lao động đạt được, việc xét thưởng sẽ thực hiện vào cuối năm căn cứ vào quá trình đạt được thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc.

Phúc lợi: Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, tổ chức đi nghỉ mát, du lịch, duy trì thường xuyên phong trào Văn - Thể - Mỹ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Dự án xây dựng Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê đã hoàn thành và đưa vào hoạt động kinh doanh vào tháng 05 năm 2012.

- Nhà hàng tiệc cưới 700 chỗ tại Công viên nước đã khẳng định được vị thế - thương hiệu - Uy tín trên thị trường.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

➤ Công ty Cổ phần Khách sạn Tây Nguyên:

- Ngành nghề hoạt động: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, bia rượu, nước giải khát....

- Tình hình tài chính Công ty năm 2012:

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI KỲ
A	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
I	Tài sản ngắn hạn	100 BCĐKT	2.768.380.220	7.570.196.567
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110 BCĐKT	235.017.704	794.683.372
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	130 BCĐKT	1.145.322.698	4.715.395.510
3	Hàng tồn kho	140 BCĐKT	1.365.135.171	1.311.205.363
4	Tài sản ngắn hạn khác	150 BCĐKT	22.904.647	748.912.322
II	Tài sản dài hạn	200 BCĐKT	2.023.135.002	1.270.646.821
1	Các khoản phải thu dài hạn	210 BCĐKT	577.304.500	
2	Tài sản cố định	220 BCĐKT	1.307.975.007	1.133.316.228
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250 BCĐKT	69.440.000	69.440.000
4	Tài sản dài hạn khác	260 BCĐKT	68.415.495	67.890.593
III	Nợ phải trả	300 BCĐKT	2.023.704.785	5.648.437.051
1	Nợ ngắn hạn	310 BCĐKT	1.774.089.135	5.391.313.076
2	Nợ dài hạn	330 BCĐKT	249.615.650	257.123.975
IV	Vốn sở hữu	400 BCĐKT	2.767.810.440	3.151.674.391
1	Vốn đầu tư chủ sở hữu	411 BCĐKT	1.671.220.000	1.671.220.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	417 BCĐKT	226.694.903	412.654.903

3	Quỹ dự phòng tài chính	418 BCĐKT	236.351.151	299.691.151
4	Lợi nhuận chưa phân phối	420 BCĐKT	633.544.386	768.108.337
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431 BCĐKT		
B	KẾT QUẢ KINH DOANH		Năm 2011	Năm 2012
1	Tổng doanh thu	01+21+31 KQKD	34.678.331.456	44.524.602.506
2	Lợi nhuận trước thuế	50 BCKQKD	763.521.124	929.794.202
3	Lợi nhuận sau thuế	60 BCKQKD	633.544.386	768.108.337
C	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
1	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu		1,83%	1,73%
2	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH		22,89%	24,37%
3	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản		13,22%	8,75

➤ Công ty Cổ phần TM Sabeco Tây Nguyên:

- Ngành nghề hoạt động: Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát.

- Tình hình tài chính Công ty năm 2012:

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI KỲ
A	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
I	Tài sản ngắn hạn	100 BCĐKT	82.251.298.857	124.946.983.471
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110 BCĐKT	25.095.501.063	56.774.000.793
2	Các khoản ĐT tài chính ngắn hạn	120 BCĐKT	11.600.000.000	12.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130 BCĐKT	2.920.351.287	7.692.982.936
4	Hàng tồn kho	140 BCĐKT	38.267.241.800	46.826.522.563
5	Tài sản ngắn hạn khác	150 BCĐKT	4.368.204.707	1.653.477.179
II	Tài sản dài hạn	200 BCĐKT	55.703.655.456	48.220.670.966
1	Các khoản phải thu dài hạn	210 BCĐKT	0	0
2	Tài sản cố định	220 BCĐKT	29.649.609.375	29.533.425.622
	- Tài sản cố định hữu hình	221 BCĐKT	13.324.830.420	11.278.050.224
	- Tài sản cố định vô hình	227 BCĐKT	16.324.778.955	15.744.642.726
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250 BCĐKT	2.110.000.000	2.918.000.000
4	Tài sản dài hạn khác	260 BCĐKT	23.944.046.081	15.769.245.344
III	Nợ phải trả	300 BCĐKT	75.370.116.173	105.076.828.167
1	Nợ ngắn hạn	310 BCĐKT	64.125.977.234	95.669.962.523
2	Nợ dài hạn	330 BCĐKT	11.244.138.939	9.406.865.644
IV	Vốn sở hữu	400 BCĐKT	62.584.838.140	68.090.826.270
1	Vốn đầu tư chủ sở hữu	411 BCĐKT	39.761.600.000	39.761.600.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	417 BCĐKT	8.2140.081.400	9.753.893.415
3	Quỹ dự phòng tài chính	418 BCĐKT	3.976.160.000	3.976.160.000
4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419 BCĐKT	0	0
5	Lợi nhuận chưa phân phối	420 BCĐKT	10.632.996.740	14.599.172.855
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431 BCĐKT	0	0
B	KẾT QUẢ KINH DOANH		NĂM 2011	
1	Tổng doanh thu	01+21+31 KQKD	1.806.574.725.340	2.223.241.617.740
2	Lợi nhuận trước thuế	50 BCKQKD	18.430.626.740	20.755.473.528
3	Lợi nhuận sau thuế	60 BCKQKD	13.138.524.531	15.398.120.145
C	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
1	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu		0,73%	0.69%
2	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH		20,99%	22,61%
3	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản		9,52%	8,9%

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

(Giá trị sổ sách tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012)

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	174.418.225.586	200.962.753.684	15,22%
Doanh thu thuần	59.511.254.969	71.463.936.862	20,08%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	237.161.350	321.238.428	35,45%
Lợi nhuận khác	(93.331.221)	3.409.083.950	3752,67%
Lợi nhuận trước thuế	143.830.129	3.730.322.378	2493,56%
Lợi nhuận sau thuế	143.830.129	2.777.928.275	1831,40%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15	298	1886,67

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ-Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	5,62 0,21	1,71 0,21	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,46 0,85	0,52 1,07	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	10,15 0,34	9,24 0,36	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,0024 0,0015 0,0008 0,004	0,04 0,029 0,014 0,045	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

b) Cơ cấu cổ đông:

➤ Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông đến ngày 31/12/2012:

TT	Tên cổ đông	Số lượng Cổ đông	Số lượng Cổ phần	Tổng giá trị	Tỷ lệ
1	Tổng Cty ĐT và KD VỐN NN	01	2.686.252	26.862.520.000	28,87%
2	Tổng Cty Du lịch Sài Gòn (Cổ đông chiến lược)	01	4.729.401	47.294.010.000	50,80%
3	Tổng Cty Bến Thành (Cổ đông chiến lược)	01	740.856	7.408.560.000	7,96%

4	Cổ đông trong Công ty	99	540.173	4.401.730.000	4,79%
5	Cổ đông ngoài Công ty	40	610.733	5.834.990.000	7,58%
	Tổng cộng	142	9.307.415	93.074.150.000	100%

➤ **Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:**

1. Tổng Công ty kinh doanh vốn Nhà nước:

+ Địa chỉ: Số 15A Trần Khánh Dư - Hà Nội

+ Ngành nghề hoạt động:

- Đầu tư vốn vào những ngành, lĩnh vực quan trọng mà nhà nước cần chi phối để thành lập doanh nghiệp mới;

- Đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần với các doanh nghiệp khác;

- Đầu tư mua một phần tài sản hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác;

- Đầu tư trên thị trường vốn, thị trường chứng khoán thông qua việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ tài chính khác;

- Cung cấp các dịch vụ tài chính: Tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp; nhận ủy thác các nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

+ Số lượng cổ phần: 2.686.252 cổ phần.

+ Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 28,87%

2/ Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn:

+ Địa chỉ: 23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận I, TP. Hồ Chí Minh

+ Ngành nghề hoạt động:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (kể cả các dịch vụ quản lý thuê khách sạn, nhà hàng, cơ sở lưu trú, khu nghỉ dưỡng), tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế;

- Dịch vụ vũ trường, sauna-massage, karaoke, nhà hàng có ca nhạc, business center, đại lý bán vé, giữ chỗ máy bay quốc nội và quốc ngoại, salon de beauty, cắt tóc, uốn tóc, cho thuê xe, giữ xe hồ bơi, du thuyền trên sông Sài Gòn, giặt ủi, wash hàng may công nghiệp, may trang bị và trang phục cho khách sạn, các mặt hàng khăn dệt, nhuộm một số mặt hàng may công nghiệp, gia công chế biến các mặt hàng inox phục vụ cho các nhà hàng, khách sạn;

- Dịch vụ ăn uống cố định, lưu động và theo hợp đồng;

- Kinh doanh vui chơi, giải trí, bãi tắm biển;

- Dịch vụ cảng và bến cảng;

- Cung cấp nước ngọt, xăng dầu cho tàu thuyền;

- Dịch vụ vận tải đường thủy, đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (tại Khách Sạn Cửu Long – Quận 1 và Khách Sạn Đồng Khởi – Quận 1, Khách Sạn Rex – Quận 1 và Khách Sạn Đệ Nhất – Quận Tân Bình) thuộc hệ thống Khách Sạn của Tổng Công Ty.
- Các dịch vụ cung ứng theo nhu cầu khách hàng: Thông tin, giao dịch, thương mại, bán hàng miễn thuế, tiếp thị, văn hóa thể thao, chuyển tiền kiều hối, tư vấn đầu tư;
- Đại lý ký gửi hàng hóa, thu đổi ngoại tệ;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Dịch vụ quảng cáo trưng bày giới thiệu hàng hóa;
- Lữ hành nội địa, quốc tế, vận chuyển khách du lịch;
- Vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy;
- Vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh địa ốc - Dịch vụ nhà đất;
- Cho thuê kho bãi, nhà, ki-ốt, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh, căn hộ, văn phòng (chỉ thực hiện với các dự án, công trình đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt);
- Kinh doanh taxi;
- Mua bán phụ tùng xe ô tô các loại, xe hơi với hình thức làm đại lý cho các hãng nước ngoài;
- Sửa chữa, bảo trì ô tô, tàu du lịch;
- Sản xuất nước đá - Sản xuất, chế biến thực phẩm bánh kem, bánh trung thu, bánh mì, Bánh ngọt, kẹo, thực phẩm khô các loại;
- Sản xuất nước tinh khiết;
- Mở trường đào tạo về chuyên ngành du lịch, dạy lái xe, dạy nghề về xuất khẩu lao động và xuất khẩu lao động;
- Thiết kế thi công, sửa chữa trang trí nội, ngoại thất, khách sạn, nhà hàng;
- Mua bán rau quả, hải sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị vật tư, hàng hóa tiêu dùng, hóa chất (các hóa chất sử dụng cho công nghiệp giặt ủi, tẩy rửa hồ bơi trong khách sạn, các hóa chất dùng trong công nghiệp chế biến cao su);
- Mua bán thức ăn gia súc, tôm cá, nông sản các loại (trừ gạo), gas các loại, điện thoại, máy fax, điện thoại di động, mobicard, các loại hoa, lá, cây cảnh, các loại gạch, ngói xây dựng, các sản phẩm dệt và may mặc, túi xách, cặp, vali bằng các loại vải, da, giả da, giày dép các loại, các sản phẩm bằng gỗ đã chế biến;
- Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm tiêu dùng, rượu, bia các loại (kể cả làm

đại lý), chế biến bia tươi, thuốc lá điều sản xuất trong nước;

- Mua bán hàng tiêu thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý;
- Bổ sung: đại lý bảo hiểm;
- Đại lý bán vé tàu hỏa;
- + Số lượng cổ phần sở hữu: 4.729.401 cổ phần
- + Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 50,80%

3/ Tổng Công ty Bến Thành:

+ Địa chỉ: 27 Nguyễn Trung Trực- Quận I TP Hồ Chí Minh.

+Ngành nghề hoạt động:

- Mua bán: nông lâm thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, tiêu thủ công nghiệp, hàng công nghiệp, máy móc thiết bị và phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).

- Nguyên phụ liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, quần áo, mỹ phẩm, hương liệu, ô tô, xe gắn máy và phụ tùng các loại.

- Nữ trang, vàng bạc, đá quý, gas, máy vi tính, thiết bị ngoại vi và linh kiện phụ tùng, hàng kim khí điện máy, điện, điện tử, thiết bị viễn thông, rượu, bia, nước giải khát.

- Dịch vụ: Du lịch lữ hành quốc tế và nội địa, Khách Sạn, ăn uống, vũ trường, vui chơi giải trí, vận chuyển khách trong và ngoài nước, vận tải hàng hóa đường bộ, khai thuê hải quan, giao nhận hàng hóa, kiều hối; cho thuê nhà, xưởng, văn phòng, căn hộ, kho bãi (chỉ thực hiện khi có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt), thiết kế tạo mẫu, tin học, mạng internet, photocopy, sửa chữa bảo trì máy vi tính, thiết bị viễn thông, ô tô, xe gắn máy;

- Xuất khẩu lao động, đại lý bảo hiểm, tư vấn, thiết kế, thi công các công trình kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, nhà xưởng, kho bến bãi, dịch vụ khu công nghiệp và cảng;

- Sản xuất, gia công: Các sản phẩm cơ khí, phụ tùng xe, giày da, sản phẩm may, thêu, đan, thủ công mỹ nghệ, sản phẩm gỗ, bao bì giấy, in ấn, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, băng đĩa được phép lưu hành, phần mềm tin học, sản phẩm điện, điện tử, bản mạch âm thanh, bản mạch điều, dây tín hiệu, sản xuất lắp ráp máy vi tính, loa máy vi tính, chế biến lương thực, thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát, lắp ráp xe các loại, chiết nạp gas;

- Đại lý ký gởi hàng hóa, dịch vụ, hoa tươi, đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác; Bổ sung: Karaoke (hoạt động tại Nhà hàng Maxim's, số 13-15-17 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận I- TP Hồ Chí Minh.

+ Số lượng cổ phần sở hữu: 740.856 cổ phần

+ Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 7.96%

Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông sáng lập:

Stt	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp (%)
1	Cổ đông thuộc sở hữu nhà nước tại công ty	CP phổ thông	160.059	16.006	81,16
2	Lê Trung Châu	“	3.670	367	1,86
3	Nguyễn Danh Ngọc	“	2.250	225	1,14
4	Nguyễn Thị Sáu	“	2.020	202	1,02
5	Trần Duy Khương An	“	3.500	350	1,77
6	Dương Ngọc Trục	“	3.000	300	1,52
7	Nguyễn Khắc Long	“	7.480	748	3,79
8	Nguyễn Ngọc Lợi	“	4.230	423	2,14
9	Hoàng Đình Chương	“	2.000	200	1,01
10	Trần Tân Hiền	“	4.000	400	2,03
11	Võ Văn Châu	“	5.000	500	2,54

- Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập:

Stt	Họ tên cổ đông	Năm sinh	Địa chỉ liên lạc	Nghề nghiệp/ngành nghề hoạt động	Tỷ lệ sở hữu ban đầu (%)	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2012 (%)
1	Cổ đông nhà nước (TCT đầu tư và KD vốn nhà nước)		Số 15A Trần Khánh Dư – Hà Nội	(đã trình bày ở phần VIII mục 2.1)	81,16	28,87%
2	Lê Trung Châu	1954	Số 52 Đào Tấn, TP. Buôn Ma Thuột	Quản lý doanh nghiệp	1,86	0,77%
3	Nguyễn Danh Ngọc	1962	Số 09 Trần Cao Vân, TP. Buôn Ma Thuột	Quản lý doanh nghiệp	1,14	0,44
4	Nguyễn Thị Sáu	1969	Số 134 Lê Thánh Tông, TP. Buôn Ma Thuột	Kế toán	1,02	0,30
5	Trần Duy Khương An	1958	Số 82 Xô Viết Nghệ Tĩnh, TP. Buôn Ma Thuột	Quản lý lữ hành	1,77	0,42
6	Dương Ngọc Trục	1957	Số 134 Nguyễn Công Trứ, TP. Buôn Ma Thuột	Quản lý khách sạn	1,52	0,16
7	Nguyễn Khắc Long	1957	Số 10 Đinh Tiên Hoàng, TP. BMT	Quản lý Nhà hàng	3,79	0,24
8	Nguyễn Ngọc Lợi	1960	Số 14/2 Nguyễn Văn Trỗi, TP. Buôn Ma Thuột	Quản lý Công viên nước	2,14	0,21

9	Hoàng Đình Chương	1963	Số 09 Bà Triệu, TP. Buôn Ma Thuột	Quản lý doanh nghiệp tư nhân	1,01	0,24
10	Trần Tấn Hiền	1957	Số 46 Nguyễn Hồng Đào, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Kiến trúc sư	2,03	0,48
11	Võ Văn Châu	1953	18/4 Thích Quảng Đức, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Cố vấn cho Ngân hàng Đại Tín	2,54	0,94

Cổ đông/ thành viên góp vốn nước ngoài: Không có cổ đông nước ngoài.

- a) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có thay đổi
- b) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có giao dịch cổ phiếu quỹ
- c) Các chứng khoán khác:

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012 (VND)	% Tăng giảm so với năm 2011	% Tăng giảm so với kế hoạch
1	Doanh thu thuần	71.463.936.862	20,08%	(16,1%)
2	Lợi nhuận trước thuế	3.730.322.378	2493,56%	
3	Lợi nhuận sau thuế	2.777.928.275	1831,40%	
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	3,89%	1508,36%	

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
1	Tổng tài sản	174.417.225.586	200.962.753.684
1.1	Tài sản ngắn hạn	40.400.049.235	30.270.870.233
1.2	Tài sản dài hạn	134.018.176.351	170.691.883.451
2	Doanh thu thuần	62.018.792.471	76.130.335.216
3	Lợi nhuận trước thuế	143.830.129	3.730.322.378
4	Lợi nhuận sau thuế	143.830.129	2.777.928.275

b) Tình hình nợ phải trả

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
1	Nợ ngắn hạn	7.183.681.891	17.873.011.126

1.1	<i>Vay và nợ ngắn hạn</i>	-	10.809.783.155
1.2	Phải trả người bán	1.671.946.999	1.852.567.520
2	Nợ dài hạn	72.960.912.589	86.038.183.177
2.1	<i>Vay và nợ dài hạn</i>	72.780.382.589	85.923.878.177
3	Tổng nợ phải trả	80.144.594.480	103.911.194.303

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công tác tổ chức được sắp xếp theo hướng chuyên môn hóa và trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo.

- Công ty đã áp dụng chính sách khoán tiền lương trên hiệu quả kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc, tạo tính chủ động và tiết kiệm chi phí nhằm kinh doanh có hiệu quả cao hơn.

- Các biện pháp kiểm soát: Ban hành Quy định chi tiêu hành chính áp dụng nội bộ Công ty, các định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong các dịch vụ kinh doanh. Nhằm kiểm soát chặt chẽ trong việc thanh toán chi phí của từng bộ phận, đơn vị trực thuộc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục ổn định chất lượng món ăn, xây dựng thực đơn đa dạng, phong phú để thoả mãn sự lựa chọn của khách hàng. Phải đảm bảo tuyệt đối an toàn vệ sinh thực phẩm trong khâu chế biến hàng ăn. Đặc biệt là phải củng cố kịp thời chất lượng ăn uống tại khách sạn Sài Gòn - Ban Mê.

Đi đôi với công tác quảng cáo tiếp thị là việc nâng cao chất lượng dịch vụ và phục vụ mang tính chuyên nghiệp để chiếm lĩnh thị trường trong các lĩnh vực kinh doanh Lữ hành - Khách sạn - Nhà hàng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

a. Công tác kinh doanh:

+ Tổng doanh thu thực hiện năm 2012 là 75.874.087.840 đồng so với kế hoạch 90.429.485.000 đồng; đạt 83,9% kế hoạch, giảm 16,1% và so với thực hiện năm 2011 là 61.557.124.521 đồng; đạt 123,3%, tăng 23,3%.

+ Kết quả kinh doanh năm 2012 lãi trước thuế 51.437.378 đồng. Sở dĩ như vậy là do nhiều nguyên nhân:

- Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê bước đầu đi vào hoạt động lượng khách đến ăn ngủ còn ít do ngưng hoạt động một thời gian dài để đầu tư xây dựng nên chưa lấy lại được các nguồn khách của lữ hành và khách truyền thống của Công ty trước đây. Mặt khác năng lực - tay nghề của bếp trưởng, đội ngũ nhân viên bếp còn quá kém so với yêu cầu

đặt ra theo tiêu chuẩn của khách sạn 4 sao. Vì vậy doanh thu chỉ được 46% kế hoạch và đã bị lỗ (739.466.063 đồng).

- Tiền lương tối thiểu từ 830.000 đồng lên 1.050.000 đồng cho nên đã làm cho chi phí tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN tăng.

- Tiền thuê đất của khu Du lịch Hồ Lắc tăng 382.440.378 đồng của diện tích đất thuê thêm là 30.954 m² (Sở tài chính đã truy từ 01/10/2007 đến hết năm 2011).

- Tăng tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là 124.672.800 đồng (tính theo Thông tư số 153/ 2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 phải nộp 0,03% trên giá đất).

- Giá dịch vụ cưỡi voi, đi thuyền độc mộc và văn nghệ công chiêng trả cho dân tăng khoảng 38 % so với năm trước.

Từ những nguyên nhân nêu trên đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty năm 2012.

- + Lợi nhuận năm 2011 chuyển sang là 3.822.715.129 đồng.

- + Tổng lợi nhuận trước thuế lũy kế đến hết năm 2012 là 3.874.152.507 đồng.

- + Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng) 2012 là 3.546.600 đồng, so với kế hoạch là 3.100.000 đồng đạt 114%, tăng 14% và so với thực hiện cùng kỳ năm trước là 3.057.300 đồng, tăng 16%.

- + Công ty đã duy trì tốt việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001:2008 nên chất lượng phục vụ khách hàng được duy trì và ngày càng nâng cao và mang tính chuyên nghiệp.

- + củng cố và đổi mới các dịch vụ ở Du lịch Hồ Lắc như: Cưỡi voi, ẩm thực, văn nghệ công chiêng, thuyền độc mộc. Nhằm phục vụ tốt các đoàn khách đến tham quan du lịch tại Đắk Lắk.

- + Thực hiện tốt chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao trách nhiệm cá nhân trong việc quản lý tài sản, hàng hóa của Công ty đối với lãnh đạo cũng như cá nhân người lao động.

b. Công tác tổ chức - đào tạo:

- + Công tác tổ chức: để tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Công ty đã thực hiện luân chuyển cán bộ theo nghị quyết của HĐQT.

- + Công tác đào tạo: Ban Tổng giám đốc rất quan tâm chú trọng đến công tác đào tạo và đào tạo lại. Trong năm đã ký hợp đồng đào tạo với Trung đào tạo của khách sạn Yasaka Nha trang và gửi một số nhân viên bếp đi đào tạo tại các khách sạn trong hệ thống TCT Du lịch Sài Gòn nhằm để nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn và tay nghề cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, người lao động trong toàn Công ty.

c. Công tác xây dựng cơ bản:

* Dự án khách sạn Sài Gòn – Ban Mê:

+ Công trình đã nghiệm thu đưa vào sử dụng. Công tác thanh quyết toán của các gói thầu Ban quản lý dự án và tư vấn giám sát đã thực hiện xong được một số gói thầu và đã tập hợp hồ sơ gửi kiểm toán, chỉ còn gói thầu “xây lắp và hoàn thiện” vừa mới tổ chức nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 28/12/2012 nên công tác quyết toán với nhà thầu chưa xong.

d. Một số công tác khác:

+ Đã ký phụ lục Hợp đồng thuê đất với Sở tài nguyên và môi trường theo tỷ lệ tiền thuê đất là 0.5%.

+ Đang tiếp tục làm việc với Toà Án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, về việc tranh chấp tiền thuê đất tại Công viên nước năm 2006, 2007 và 10 tháng năm 2008 với Chi cục thuế TP.Buôn Ma Thuột theo Quyết định xét xử giám đốc thẩm của Toà Án tỉnh Đắk Lắk.

+ Thực hiện chủ trương của HĐQT. Công ty đã ký Hợp đồng cho thuê mặt bằng khách sạn Thành Công với Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Toàn Lâm kể từ ngày 28/11/2012.

+ Công ty đã hoàn tất hồ sơ trích lục địa chính của khu vực đất đầu tư xây dựng Công viên nước gửi cho các ngành chức năng để đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk trình Chính phủ phê duyệt chính sách miễn tiền thuê đất của Công viên nước theo Nghị định 142/2005/NĐ-CP.

+ Đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của khách sạn Sài Gòn – Ban Mê theo mô hình là đơn vị hạch toán phụ thuộc. Hiện nay đang hoàn tất các thủ tục để đăng ký kinh doanh cho khách sạn.

e. Một số tồn tại:

+ Chưa có biện pháp để đa dạng hóa các dịch vụ vui chơi giải trí ở Công viên nước dẫn đến công tác kinh doanh mới chỉ theo mùa vụ, chưa phát huy được hiệu quả diện tích mặt bằng hiện có.

+ Công tác tiếp thị quảng cáo trong lĩnh vực tổ chức tiệc cưới ở một số đơn vị chưa được chú trọng, chất lượng món ăn có lúc chưa thỏa mãn được yêu cầu của khách hàng.

+ Các chương trình tour du lịch mới xây dựng quảng cáo chưa rộng rãi đến với khách hàng. Đặc biệt là các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng dưới sự lãnh đạo điều hành của Ban tổng giám đốc hoạt động kinh doanh đã đạt được những kết quả nhất định và thực hiện đúng theo Nghị quyết của HĐQT đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường công tác quảng bá tiếp thị để thu hút khách hàng. Đào tạo đội ngũ nhân viên phục vụ mang tính chuyên nghiệp bằng cách duy trì việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

- Tăng cường khai thác tour du lịch nội địa và tour ngoài nước

- Tiếp tục ổn định chất lượng món ăn, xây dựng thực đơn đa dạng, phong phú để thoả mãn sự lựa chọn của khách hàng tăng uy tín của Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Danh sách Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (CP)	
			Đại diện	Cá nhân
1	Ông Lê Ngọc Cơ	Chủ tịch	2.364.700	0
2	Ông Lê Trung Châu	Phó Chủ tịch	2.686.252	71.326
3	Bà Nguyễn Thị Sáu	Ủy viên	0	27.453
4	Bà Võ Ngọc Xuân	Ủy viên	2.364.701	0
5	Ông Trần Hồng Tâm	Ủy viên	740.856	30.167

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty. Có quyền quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở Đại hội cổ đông thông qua. Đề xuất mức chi trả cổ tức hàng năm. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành; các phó tổng giám đốc; kế toán trưởng. Quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác.

+ Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 08 người có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban kiểm soát

a. Danh sách Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ(CP)	
			Đại diện	Cá nhân
1	Bà Lê Thị Hoàng Mai	Trưởng ban	4.729.401	0
2	Bà Huỳnh Thị Ngọc	Thành viên	0	12.244
3	Bà Nguyễn Thị Mười	Thành viên	0	11.877

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý và điều hành Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán thống kê và lập báo tài chính, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát :

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Được tính 2% trên tổng quỹ lương tính vào giá thành năm 2012.

Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát :

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	561.449.705	515.956.895
Thù lao các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát	272.384.500	201.788.182

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần góp vốn của các công ty của các thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, cổ đông lớn và các giao dịch khác của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên trong năm 2012 như sau:

Thành viên hội đồng quản trị: Mua (Do Công ty phát hành thêm): không; bán: không

Những người có liên quan Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát: Mua vào: không; bán: không.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 19/02/2013 của Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.270.870.233	40.400.049.235
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.202.097.829	4.644.283.999
1. Tiền	111		2.202.097.829	1.394.283.999
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.250.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	550.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		550.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.781.591.078	31.193.070.477
1. Phải thu khách hàng	131	7	2.605.298.532	640.931.203
2. Trả trước cho người bán	132	8	22.052.763.396	30.380.607.065
3. Các khoản phải thu khác	135	9	123.529.150	171.532.209
IV. Hàng tồn kho	140		1.673.845.041	1.537.051.714
1. Hàng tồn kho	141	10	1.673.845.041	1.537.051.714
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.063.336.285	3.025.643.045
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		360.704.297	1.576.867.060
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		9.275	773.689.202
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	702.622.713	675.086.783
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		170.691.883.451	134.018.176.351
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		167.000.412.905	132.916.818.655
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	166.967.241.716	31.457.420.383
- Nguyên giá	222		191.427.743.969	52.732.174.933
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.460.502.253)	(21.274.754.550)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	18.683.124	38.545.487
- Nguyên giá	228		83.279.000	83.279.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.595.876)	(44.733.513)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	14.488.065	101.420.852.785
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	515.750.000	515.750.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		332.240.000	332.240.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		183.510.000	183.510.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.175.720.546	585.607.696
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	3.175.720.546	585.607.696
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		200.962.753.684	174.418.225.586

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		103.911.194.303	80.144.594.480
I. Nợ ngắn hạn	310		17.738.738.399	7.183.681.891
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	10.809.783.155	-
2. Phải trả người bán	312	18	1.852.567.520	1.671.946.999
3. Người mua trả tiền trước	313		44.325.024	61.401.168
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	2.352.730.895	4.775.292.961
5. Phải trả người lao động	315		1.037.550.624	197.701.291
6. Chi phí phải trả	316	20	827.858.976	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	872.008.366	501.325.633
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(58.086.161)	(23.986.161)
II. Nợ dài hạn	330		86.172.455.904	72.960.912.589
1. Phải trả dài hạn khác	333		114.305.000	180.530.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	85.923.878.177	72.780.382.589
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		134.272.727	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		97.051.559.381	94.273.631.106
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	97.051.559.381	94.273.631.106
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	93.074.150.000	93.074.150.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	23	211.046.387	211.046.387
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	23	811.715.327	811.715.327
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	23	2.954.647.667	176.719.392
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		200.962.753.684	174.418.225.586

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ các loại (USD)	3.941,98	8.788,28

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	24	71.579.948.752	59.677.301.823
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	116.011.890	166.046.854
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	24	71.463.936.862	59.511.254.969
4. Giá vốn hàng bán	11	25	59.370.561.412	51.352.361.067
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		12.093.375.450	8.158.893.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	465.313.535	2.146.763.064
7. Chi phí tài chính	22	27	4.945.017.875	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.945.017.875	-
8. Chi phí bán hàng	24		1.089.105.690	905.827.277
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.203.326.992	9.162.668.339
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		321.238.428	237.161.350
11. Thu nhập khác	31	28	3.944.837.443	194.727.584
12. Chi phí khác	32	29	535.753.493	288.058.805
13. Lợi nhuận khác	40		3.409.083.950	(93.331.221)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	30	3.730.322.378	143.830.129
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	952.394.103	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	30	2.777.928.275	143.830.129
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	298	15

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.730.322.378	143.830.129
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao Tài sản cố định	02	3.205.610.066	2.662.609.555
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(4.095.363)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(465.313.535)	(219.925.822)
- Chi phí lãi vay	06	4.945.017.875	-
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	11.415.636.784	2.582.418.499
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(677.718.627)	(8.431.433.616)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(136.793.327)	(630.131.692)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể			
- lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(696.185.976)	5.893.663.135
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.590.112.850)	(68.627.431)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(11.096.616.081)	(6.419.195.341)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(788.389.063)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	114.649.000	332.639.475
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(179.675.000)	(275.763.379)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.846.816.077)	(7.804.819.413)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(22.455.431.371)	(45.349.428.380)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(550.000.000)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	165.448.784
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	456.782.535	154.975.405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.548.648.836)	(45.029.004.191)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	26.653.278.743	72.673.757.269
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.700.000.000)	(20.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.282.410.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	23.953.278.743	50.391.346.829
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.442.186.170)	(2.442.476.775)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.644.283.999	7.082.665.411
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	4.095.363
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.202.097.829	4.644.283.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Du lịch Đak Lak theo Quyết định số 302/QĐ-UB ngày 21/02/2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000177738 ngày 31/03/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 4 điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/06/2012.

Công ty đã đăng ký niêm yết cổ phiếu phổ thông trên thị trường UpCoM tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 12/GCN - SGDHN ngày 19/01/2011 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DLD. Ngày giao dịch chính thức là 08/04/2011.

Công ty có 5 đơn vị trực thuộc:

- Khách sạn Sài Gòn – Ban Mê;
- Khách sạn Cao Nguyên;
- Khách sạn Thành Công;
- Khu du lịch Hồ Lắk;
- Nhà hàng Thăng Lợi – Công viên nước.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý bán vé máy bay;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống;
- Dịch vụ tắm quất, xông hơi, xoa bóp;
- Kinh doanh vũ trường (dancing), phòng hát karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí, công viên nước;
- Hướng dẫn, kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa;
- Mua bán phân bón;

- Mua bán hàng hóa công nghệ thực phẩm (rượu, bia, nước giải khát, bánh kẹo, hàng hóa mỹ nghệ), cà phê, nông sản, hàng hải sản đông lạnh;
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Mua bán nông sản.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế do Ngân hàng giao dịch công bố tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	3 - 10
Cây lâu năm	5 - 10

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	8
TSCĐ vô hình khác	5

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên hằng năm.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng:
 - ✓ Đối với dịch vụ khách sạn, ăn uống... áp dụng thuế suất 10%.
 - ✓ Các dịch vụ khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 25%.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính và các khoản phải thu khác, các khoản ký cược, ký quỹ.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2012		31/12/2011
	USD	VND	USD	VND
- Tiền mặt tại quỹ		219.906.513		25.797.265
+ VND		192.579.272		1.928.376
+ USD	1.306,00 #	27.327.241	1.146,00 #	23.868.889
- Tiền gửi ngân hàng		1.982.191.316		1.368.486.734
+ VND		1.927.286.086		1.209.313.327
+ USD	2.635,98 #	54.905.230	7.642,28 #	159.173.407
- Các khoản tương đương tiền		-		3.250.000.000
Cộng		2.202.097.829		4.644.283.999

6. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	550.000.000	-
-Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam CN.Đắk Lắk	250.000.000	-
-Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT TP.Buôn Ma Thuột	300.000.000	-
Cộng	550.000.000	

7. Phải thu khách hàng

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty TNHH Bắc Hiếu	60.748.000	64.605.500
Du Lịch Hồ Lak	92.693.701	40.653.411
Du Lịch Việt nam - Chi Nhánh Huế	66.800.001	54.529.379
Phải thu khách hàng tại Khách Sạn Cao Nguyên	118.615.100	44.799.100
Phải thu khách hàng tại Khách Sạn Sài Gòn Ban Mê	1.207.210.200	-
Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn tại TP. Hồ Chí Minh	40.599.009	43.680.864
Thanh Tùng Madrak	-	47.048.000
Đoàn du lịch Asian Trails	-	65.914.729
Đoàn Du Lịch Vidotour	69.710.000	82.245.976
Các đối tượng khác	948.922.521	197.454.244
Cộng	2.605.298.532	640.931.203

8. Trả trước cho người bán

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty SXTM Lý Bảo Minh	335.446.327	1.150.741.000
Công ty TNHH Hoàng Nguyên	-	4.609.919.500
Công ty CP Trang Trí Nội Thất Việt Can	-	1.049.206.500
Công ty TNHH TM-ĐT-XD Phát triển Sài Gòn	21.179.858.916	21.101.000.000
Công ty TNHH Trung Việt	48.907.655	1.122.524.730
Các đối tượng khác	488.550.498	1.347.215.335
Cộng	22.052.763.396	30.380.607.065

9. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	45.233.000	-
Tiền cổ phần bán cho lao động nghèo	76.208.200	99.408.200
Phải thu Sabeco Tây Nguyên - cổ tức phải thu	-	36.702.000
Phải thu khác	2.087.950	35.422.009
Cộng	123.529.150	171.532.209

10. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	321.104.137	105.445.606
Công cụ, dụng cụ	99.418.814	193.775.034
Hàng hóa	1.253.322.090	1.237.831.074
Cộng	<u>1.673.845.041</u>	<u>1.537.051.714</u>

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng	589.272.713	526.437.783
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	113.350.000	148.649.000
Cộng	<u>702.622.713</u>	<u>675.086.783</u>

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Vườn cây lâu năm VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	42.530.290.948	7.802.913.360	1.291.488.725	1.107.481.900	52.732.174.933
Mua sắm trong năm	-	139.161.894	-	144.353.314	283.515.208
Đ/tư XD CB h/thành	99.229.458.655	39.182.595.173	-	-	138.412.053.828
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>141.759.749.603</u>	<u>47.124.670.427</u>	<u>1.291.488.725</u>	<u>1.251.835.214</u>	<u>191.427.743.969</u>
Khấu hao					
Số đầu năm	14.898.629.190	4.744.029.940	925.411.213	706.684.207	21.274.754.550
Khấu hao trong năm	1.986.953.928	942.584.213	128.815.944	132.572.856	3.190.926.941
Giảm trong năm	-	5.179.238	-	-	5.179.238
Số cuối năm	<u>16.885.583.118</u>	<u>5.681.434.915</u>	<u>1.054.227.157</u>	<u>839.257.063</u>	<u>24.460.502.253</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	27.631.661.758	3.058.883.420	366.077.512	400.797.693	31.457.420.383
Số cuối năm	<u>124.874.166.485</u>	<u>41.443.235.512</u>	<u>237.261.568</u>	<u>412.578.151</u>	<u>166.967.241.716</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 36.199.013.309 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2012 là 149.915.822.378 đồng.

Khách sạn Sài Gòn Ban Mê đã được nghiệm thu, đưa vào sử dụng, hiện nay Công ty đang lập hồ sơ quyết toán. Công ty tạm hạch toán tăng tài sản cố định hữu hình theo giá trị thực tế phát sinh là 138.532.530.035 đồng, hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2012 là 547.590.995 đồng.

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.000.000	51.279.000	83.279.000
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	32.000.000	51.279.000	83.279.000
Khấu hao			
Số đầu năm	20.000.000	24.733.513	44.733.513
Khấu hao trong năm	4.000.000	10.683.125	14.683.125
Tăng khác	-	5.179.238	5.179.238
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	24.000.000	40.595.876	64.595.876
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.000.000	26.545.487	38.545.487
Số cuối năm	8.000.000	10.683.124	18.683.124

14. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công trình Khách sạn Sài Gòn Ban Mê (*)	14.488.065	101.393.580.058
Công trình Trung tâm hội nghị đa chức năng	-	27.272.727
Cộng	14.488.065	101.420.852.785

(*) Xem tại Thuyết minh số 12

15. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2012		31/12/2011
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên kết		332.240.000		332.240.000
+ Cty CP Thương mại - Du lịch Tây Nguyên	33.224	332.240.000	33.224	332.240.000
Đầu tư dài hạn khác		183.510.000		183.510.000
+ Cty CP Thương mại Sabeco Tây Nguyên	18.351	183.510.000	18.351	183.510.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-		-
Cộng		515.750.000		515.750.000

16. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.029.150.592	384.674.768
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	93.056.041	171.890.428
Chi phí thuê nhà	3.000.000	3.000.000
Chi phí chứng nhận ISO	14.718.458	26.042.500
Chi phí khác	35.795.455	-
Cộng	3.175.720.546	585.607.696

17. Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn - Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	7.809.783.155	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.000.000.000	-
Cộng	10.809.783.155	-

18. Phải trả người bán

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi nhánh Công ty Liên doanh FUJI- ALPHA tại Đà Nẵng	-	363.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Minh Dũng	-	281.809.961
Công ty TNHH Sơn Hoà Bình	41.473.260	152.047.174
Công ty TNHH Thương mại XNK Hoàng Gia Phát	-	220.794.100
Công ty Cổ phần Việt Can	21.368.320	252.748.570
DNTN Đức Minh	245.938.000	36.713.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Tín Thành	519.211.720	-
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh TTNT Việt Cung	251.878.897	-
Các đối tượng khác	772.697.323	364.834.194
Cộng	1.852.567.520	1.671.946.999

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	37.373.312	27.807.802
Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.000.003	10.384.618
Thuế thu nhập doanh nghiệp	178.714.176	-
Thuế thu nhập cá nhân	473.348	473.437
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.126.403.896	4.734.831.500
Các loại thuế khác	766.160	1.795.604
Cộng	2.352.730.895	4.775.292.961

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình

bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí lãi vay phải trả	484.050.465	-
Phí phục vụ phải trả	330.608.511	-
Tiền đồng phục phải trả	13.200.000	-
Cộng	827.858.976	-

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	182.160.939	146.490.258
Bảo hiểm xã hội	11.190.336	5.262.112
Bảo hiểm y tế	63.364.636	63.364.636
Bảo hiểm thất nghiệp	12.141.623	8.239.273
Phải trả về cổ phần hoá	76.208.200	99.408.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	526.942.632	178.561.154
- Lê Xuân Lan	300.000.000	-
- Các đối tượng khác	226.942.632	178.561.154
Cộng	872.008.366	501.325.633

22. Vay dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Đắk Lắk	85.923.878.177	72.780.382.589
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	85.923.878.177	72.780.382.589

Là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk theo Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư phát triển số 68/09/NH/SGBM/NHNT ngày 12/10/2009 và Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 01/07/2010, cụ thể là:

- Mục đích vay vốn: Đầu tư xây dựng dự án Khách sạn Sài Gòn Ban Mê.
- Hạn mức vốn vay: 90.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay 140 tháng (ân hạn 20 tháng).
- Lãi suất cho vay: 10%/năm tại thời điểm ký hợp đồng và thay đổi theo Thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk. Lãi suất trong năm áp dụng từ 10%/năm đến 15%/năm.
- Tài sản thế chấp:

+ Quyền sử dụng đất thuê tại Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk và toàn bộ được hình thành từ vốn vay dự án Khách sạn Sài Gòn Ban Mê theo Hợp đồng thế chấp số 68/09/NH/SGBM/HĐTC.1 ngày 12/10/2009.

+ Quyền sử dụng đất thuê tại Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 68/09/NH/SGBM/HĐTC.2 ngày 12/10/2009.

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2011	93.074.150.000	146.378.675	543.743.564	2.718.490.794	96.482.763.033
Tăng trong năm	-	64.667.712	267.971.763	143.830.129	476.469.604
Giảm trong năm	-	-	-	2.685.601.531	2.685.601.531
Số dư tại 31/12/2011	93.074.150.000	211.046.387	811.715.327	176.719.392	94.273.631.106
Số dư tại 01/01/2012	93.074.150.000	211.046.387	811.715.327	176.719.392	94.273.631.106
Tăng trong năm	-	-	-	2.777.928.275	2.777.928.275
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	93.074.150.000	211.046.387	811.715.327	2.954.647.667	97.051.559.381

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vốn góp của Nhà nước (Tổng Cty Đầu tư và Kinh doanh vốn NN)	26.862.520.000	26.862.520.000
Tổng Công ty Bến Thành	7.408.560.000	7.408.560.000
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	47.294.010.000	47.294.010.000
Vốn góp của các đối tượng khác	11.509.060.000	11.509.060.000
Cộng	93.074.150.000	93.074.150.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.307.415	9.307.415
- Cổ phiếu thường	9.307.415	9.307.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.307.415	9.307.415
- Cổ phiếu thường	9.307.415	9.307.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	176.719.392	2.718.490.794
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.777.928.275	143.830.129
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế	-	2.685.601.531
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	397.307.187
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	64.667.712
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	267.971.763
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	64.667.712
Trả cổ tức	-	2.282.410.440
Chi khác	-	5.883.904
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.954.647.667	176.719.392

24. Doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu	71.579.948.752	59.677.301.823
Doanh thu bán hàng hóa	17.635.626.524	17.361.232.692
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.944.322.228	42.132.841.137
- Tham quan hướng dẫn du lịch	6.853.543.881	6.431.001.371
- Vận chuyển du lịch	1.724.559.198	1.344.311.000
- Phòng ngủ	10.612.843.776	5.766.590.593
- Hàng ăn, giải khát	31.728.981.002	26.881.723.550
- Phí dịch vụ	530.473.331	295.621.096
- Xông hơi, xoa bóp	502.718.188	719.536.365
- Mặt bằng	1.032.259.087	246.540.913
- Vận chuyển hàng hoá	-	56.283.185
- Các dịch vụ khác	958.943.765	391.233.064
Doanh thu bán hàng nội bộ		183.227.994
Các khoản giảm trừ doanh thu	116.011.890	166.046.854
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	116.011.890	166.046.854
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.463.936.862	59.511.254.969

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	15.464.895.258	15.596.751.463
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	43.905.666.154	35.755.609.604
- Tham quan hướng dẫn du lịch	5.560.854.196	6.183.130.215
- Vận chuyển du lịch	1.534.744.527	1.143.187.004
- Phòng ngủ	7.551.899.322	4.794.586.309
- Hàng ăn, giải khát	28.550.301.890	22.983.820.307
- Xông hơi, xoa bóp	379.626.013	457.618.714
- Mặt bằng	75.480.000	88.740.000
- Vận chuyển hàng hoá	-	39.427.000
- Các dịch vụ khác	252.760.206	65.100.055
Cộng	59.370.561.412	51.352.361.067

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	362.163.535	722.678.688
Hỗ trợ lãi suất đầu tư	-	271.680.028
Cổ tức, lợi nhuận được chia	103.150.000	154.975.405
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	9.012.064
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.095.363
Lãi bán cổ phần	-	827.551.216
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	156.770.300
Cộng	465.313.535	2.146.763.064

27. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	4.945.017.875	-
Cộng	4.945.017.875	-

28. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Điều chỉnh tiền thuê đất năm 2011 theo đơn giá mới	3.678.885.000	-
Thu từ bán công cụ dụng cụ, vỏ chai	160.264.178	-
Thu tiền tài trợ	74.257.645	168.477.454
Xử lý hàng thừa	20.988.473	-
Thu nhập khác	10.442.147	26.250.130
Cộng	3.944.837.443	194.727.584

29. Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	82.739.583
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	86.305.800	-
Tiền thuê đất tại huyện Lắc từ năm 2007 đến 2011	382.440.377	-
Chi phí khác	67.007.316	205.319.222
Cộng	535.753.493	288.058.805

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.730.322.378	143.830.129
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	79.254.032	(153.119.216)
Điều chỉnh tăng	191.693.119	153.641.552
- Chi phí hóa đơn chứng từ không hợp lệ	46.600.000	78.530.229
- Các khoản phạt chậm nộp	1.693.247	-
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành	143.399.872	75.111.323
Điều chỉnh giảm	112.439.087	306.760.768
- Cổ tức lợi nhuận được chia	103.150.000	302.665.405
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		4.095.363
- Chuyển lỗ năm 2011	9.289.087	
Tổng thu nhập chịu thuế	3.809.576.410	(9.289.087)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	952.394.103	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.777.928.275	143.830.129

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.777.928.275	143.830.129
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.777.928.275	143.830.129
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.307.415	9.307.415
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	298	15

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.743.917.477	16.042.559.239
Chi phí nhân công	14.978.070.669	11.282.242.154
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.205.610.066	2.662.609.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.130.647.742	6.814.275.345
Chi phí khác bằng tiền	7.303.503.525	9.024.272.391
Cộng	51.361.749.479	45.825.958.684

33. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu và giá cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức rất thấp.

Quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu, hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Nhằm đảm bảo ổn định giá thành thành phẩm, bộ phận quản lý sản xuất của Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động của giá cả nguyên vật liệu, hàng hóa và đề xuất với Ban Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu cũng như phương án sản xuất kinh doanh phù hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư vào cổ phiếu nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Do đó, Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh do một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm số dư tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Phải thu khách hàng

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng riêng biệt cho từng loại khách hàng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất

lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Số dư tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn (Ngân hàng Công Thương Chi nhánh Đắk Lắk và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh Đắk Lắk). Rủi ro tín dụng đối với các số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với số dư tiền gửi ngân hàng là giá trị ghi sổ như đã trình bày tại Thuyết minh số 5. Công ty nhận thấy mức độ rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đến hạn lệch nhau.

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	10.809.783.155	85.923.878.177	96.733.661.332
Phải trả người bán	1.852.567.520	-	1.852.567.520
Phải trả khác	872.008.366	-	872.008.366
Chi phí phải trả	827.858.976	-	827.858.976
Cộng	14.362.218.017	85.923.878.177	100.286.096.194

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	-	72.780.382.589	72.780.382.589
Phải trả người bán	1.671.946.999	-	1.671.946.999
Phải trả khác	501.325.633	-	501.325.633
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	2.173.272.632	72.780.382.589	74.953.655.221

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.202.097.829	-	2.202.097.829
Phải thu khách hàng	2.605.298.532	-	2.605.298.532
Phải thu khác	123.529.150	-	123.529.150
Các khoản đầu tư tài chính	-	183.510.000	183.510.000
Ký cược, ký quỹ	113.350.000	-	113.350.000
Cộng	5.044.275.511	183.510.000	5.227.785.511

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.644.283.999	-	4.644.283.999
Phải thu khách hàng	640.931.203	-	640.931.203
Phải thu khác	171.532.209	-	171.532.209
Các khoản đầu tư tài chính	-	183.510.000	183.510.000
Ký cược, ký quỹ	148.649.000	-	148.649.000
Cộng	5.605.396.411	183.510.000	5.788.906.411

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	Công ty đầu tư
Tổng Công ty Bến Thành	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Khách sạn Tây Nguyên	Công ty nhận đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu phát sinh với các bên liên quan

Các nghiệp vụ phát sinh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	1.076.281.206	416.603.550
Mua hàng		
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	-	112.852.250
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn		
- Vay ngắn hạn	7.809.783.155	20.000.000.000
- Thanh toán tiền vay	-	20.000.000.000

c. Số dư với các bên có liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nợ phải thu		
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	469.388.632	43.680.864
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	7.809.783.155	-

d. Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong năm

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	561.449.705	515.956.895
Thù lao các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát	272.384.500	201.788.182

35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Nhà hàng, khách sạn	Lữ hành	Khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	54.329.396.820	4.674.894.681	12.459.645.361	-	71.463.936.862
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	229.146.123	-	27.101.253	(256.247.376)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.558.542.943	4.674.894.681	12.486.746.614	(256.247.376)	71.463.936.862
Chi phí bộ phận	49.278.785.864	4.497.267.432	12.886.940.798		66.662.994.094
Kết quả kinh doanh	5.279.757.079	177.627.249	(400.194.184)	(256.247.376)	4.800.942.768
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	40.420.968.686	16.774.545	137.995.818		40.575.739.049
Chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.724.494.159	108.445.626	69.092.164		3.902.031.949
Tài sản bộ phận	194.504.238.399	697.172.639	2.085.171.718	-	197.286.582.756
Tài sản không phân bổ					3.676.170.928
Tổng tài sản					200.962.753.684
Nợ phải trả bộ phận	101.872.184.486	29.027.183	781.940.444	-	102.683.152.113
Nợ phải trả không phân bổ					1.228.042.190
Tổng nợ phải trả					103.911.194.303

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên địa bàn Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

36. Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2011
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	84,94%	76,84%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	15,06%	23,16%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	51,71%	45,96%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	48,29%	54,04%
1. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,71	5,61
2.2 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,61	5,39
	Năm 2012	Năm 2011
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	5,22%	0,24%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	3,89%	0,24%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	1,99%	0,08%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	1,48%	0,08%
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	2,90%	0,15%

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi AA. Một số chỉ tiêu so sánh được trình bày lại theo quy định của Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã ký

LÊ TRUNG CHÂU

